

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 9- 2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Anh Tuấn

2. Bà Phạm Thị H Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hà Thị H**, sinh năm 1994 – Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN.

Chỗ ở hiện nay: Xóm NC, xã TL, huyện VQ, tỉnh LS

2. Bị đơn: **Anh Trần Minh G**, sinh năm 1978 – Vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Minh G kết hôn theo phong tục địa phương từ năm 2015, đến tháng 02/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm CP, xã ML, huyện huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, anh G thường xuyên chơi bời, tụ tập, không tu chí làm ăn, chị phát hiện anh G còn sử dụng ma túy nên vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, hay cãi chửi nhau, anh G đã đánh chị khiến chị phải về nhà bố mẹ đẻ sinh con. Tháng 11/2018 anh G bị bắt và bị xét xử 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 20/10/2015 hiện đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, hiện chị sống chung với bố mẹ đẻ có nhà ở và thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Minh G xác nhận về thời gian kết hôn, con chung như chị H trình bày. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn bất đồng. Cuối năm 2018, anh bị bắt, xét xử 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý. Hiện tại anh đã chấp hành án xong, anh xác định vợ chồng vẫn có thể tiếp tục chung sống được với nhau, anh vẫn còn tình cảm với vợ và thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quan điểm của anh nếu vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35,

39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hà Thị H, cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Trần Minh G.

+ Về con chung: Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 20/10/2015 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết vì chị H chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Hà Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Hà Thị H với bị đơn anh Trần Minh G, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, do đó phải đưa ra xét xử công khai.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh Trần Minh G nhưng anh G vắng mặt không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Minh G.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị H và anh Trần Minh G kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Trần Minh G nghiện ma túy. Tháng 11/2018 anh Trần Minh G bị Công an bắt, tháng 01/2019 bị Tòa án xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Hà Thị H với anh Trần Minh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị

Hà Thị H là có cơ sở chấp nhận, cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Trần Minh G là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 20/10/2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh G đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh G yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, chị H không có yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu Huy còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, nhiều năm nay cháu được mẹ nuôi dưỡng, cuộc sống ổn định. Ngoài ra, anh G vừa đi chấp hành hình phạt tù về địa phương, cuộc sống, công việc chưa ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung là Trần Gia H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Hà Thị H, cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Trần Minh G.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 20/10/2015 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Trần Minh G vì chị Hà Thị H chưa có yêu cầu.

Anh Trần Minh G có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016699 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Hà Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Hà Thị H, Vắng mặt anh G. Báo cho chị H biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã ML, huyện Đồng Hỷ;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc